

BỘ XÂY DỰNG**BỘ XÂY DỰNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2015/TT-BXD

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2015

THÔNG TƯ**Hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước**

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (gọi tắt là giá dịch vụ thoát nước) cho các loại hệ thống thoát nước để làm cơ sở lập, phê duyệt phương án giá và quyết định giá dịch vụ thoát nước áp dụng tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp) và khu dân cư nông thôn tập trung.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến hoạt động thoát nước trên lãnh thổ Việt Nam; các tổ chức, cơ quan có thẩm quyền lập, xem xét quyết định phê duyệt giá dịch vụ thoát nước.

3. Khuyến khích các cụm công nghiệp áp dụng quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Phương pháp xác định tổng chi phí thực hiện dịch vụ thoát nước

1. Tổng chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ thực hiện dịch vụ thoát nước đối với từng loại hệ thống thoát nước làm cơ sở để tính giá thành toàn bộ và tính giá 01 mét khối (m^3) nước thải phải được tính toán theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về quản lý thoát nước và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành, bao gồm các chi phí sau:

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu
1	Chi phí vật tư trực tiếp	C_{vt}
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C_{NC}
3	Chi phí sản xuất chung	C_{SXC}
4	Cộng chi phí sản xuất (1 + 2 + 3)	C_P
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	C_q
6	Tổng chi phí dịch vụ thoát nước (4 + 5)	C_T

2. Đối với dịch vụ thoát nước tại các đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung, nội dung từng khoản chi phí được xác định như sau:

a) Chi phí vật tư trực tiếp bao gồm các chi phí nguyên, nhiên vật liệu, hóa chất, động lực sử dụng trực tiếp và các loại vật liệu phụ để thực hiện việc tiêu thoát nước và xử lý nước thải;

Chi phí vật tư trực tiếp được xác định bằng tổng khối lượng của từng loại vật tư sử dụng nhân (x) với đơn giá vật tư tương ứng; trong đó:

- Khối lượng vật tư sử dụng để tiêu thoát nước và xử lý nước thải áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật về tiêu thoát và xử lý nước thải do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành. Đối với các loại vật tư đưa vào sản xuất chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành thì đơn vị xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước xây dựng định mức tính trong phương án giá thoát nước trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- Giá vật tư là giá mua thực tế theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc thông báo giá, hướng dẫn giá tại thời điểm tính toán (đối với những loại vật tư Nhà nước còn quy định giá và quản lý giá theo các hình thức: đăng ký giá, kê khai giá, hiệp thương giá, công khai thông tin về giá) hoặc giá thị trường ghi trên hóa đơn theo quy định pháp luật của người bán hàng tại thời điểm cần tính toán (đối với những vật tư không thuộc danh mục do cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc thông báo giá, hướng dẫn giá) cộng (+) với chi phí lưu thông hợp lý đến nơi xử lý, thoát nước thải (nếu có).

b) Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản chi phí bằng tiền mà các đơn vị thoát nước phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi ăn ca, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác theo quy định đối với công nhân trực tiếp xử lý và tiêu thoát nước, trong đó:

- Chi phí tiền lương, tiền công được xác định bằng số lượng ngày công theo định mức kinh tế - kỹ thuật về xử lý, tiêu thoát nước do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban hành nhân (x) với đơn giá ngày công tương ứng (đơn giá ngày công bao gồm: tiền lương cơ sở, các khoản phụ cấp lương theo quy định của pháp luật);

- Chi phí tiền ăn giữa ca (nếu có) cho người lao động tham gia vào hoạt động của doanh nghiệp theo quy định hiện hành của pháp luật;

- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, phụ cấp độc hại, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác (nếu có) của công nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiêu thoát và xử lý nước thải theo quy định hiện hành của pháp luật.

c) Chi phí sản xuất chung là các khoản chi phí sản xuất gián tiếp (ngoài các chi phí vật tư trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này) phát sinh ở các đơn vị thực hiện của doanh nghiệp bao gồm: khấu hao, sửa chữa tài sản cố định; chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ dùng cho phân xưởng; tiền lương, phụ cấp lương, tiền ăn giữa ca (nếu có) trả cho nhân viên phân xưởng; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của cán bộ nhân viên phân xưởng; chi phí kiểm nghiệm tiêu chuẩn nước xả thải, hệ thống xả thải, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác được tính vào giá thành theo quy định của pháp luật;

Phương pháp xác định chi phí vật tư, dịch vụ, chi phí nhân công trong chi phí sản xuất chung áp dụng như quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều này;

Chi phí khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

d) Chi phí quản lý doanh nghiệp là tổng các chi phí chi cho bộ máy quản lý và điều hành doanh nghiệp, các khoản chi phí có tính chất chung của toàn doanh nghiệp bao gồm: khấu hao, sửa chữa TSCĐ phục vụ bộ máy quản lý và điều hành trong doanh nghiệp; chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp, tiền ăn giữa ca (nếu có) trả cho ban giám đốc và nhân viên quản lý ở các phòng ban; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của bộ máy quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu, đồ dùng cho văn phòng, các khoản thuế, phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài thuộc văn phòng doanh nghiệp; các chi phí chung khác cho toàn doanh nghiệp như: chi trả lãi vay, các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, chi phí tiếp tân, giao dịch, chi phí nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ, chi sáng kiến, cải